

Số: 445 /QĐ-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xét công nhận trình độ ngoại ngữ trong chương trình đào tạo thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Quyết định 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định 867/QĐ-ĐHQG ngày 17/8/2016 của Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định 1100/QĐ-ĐHQG ngày 30/8/2019 của Đại học Quốc gia TP.HCM về việc công nhận chứng chỉ, chứng nhận tiếng Anh trong kỳ đánh giá năng lực tiếng Anh tương đương năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, do trường Đại học Khoa học Tự nhiên và trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tổ chức, sử dụng trong đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Quốc gia TP.HCM;

Căn cứ kết quả kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh ngày 05/7/2020 tại Hội đồng thi trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận **58** học viên cao học đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ tiếng Anh trong chương trình đào tạo thạc sĩ, gồm các học viên có tên trong danh sách đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Học viên cao học có tên tại Điều 1 đã đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ trong chương trình đào tạo thạc sĩ theo qui chế đào tạo hiện hành của ĐHQG-HCM và Trường ĐH Khoa học Tự nhiên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Đơn vị liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Website: sdh.hcmus.edu.vn;
- Lưu VT, SĐH.



Trần Lê Quan

**DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC ĐẠT CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ
TIẾNG ANH TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ**

(Đính kèm Quyết định số 775 /QĐ-KHTN, ngày 21/7/2020 của Hiệu trưởng
trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã HV	Họ tên học viên		Ngày sinh	Điểm thi (Tổng 4 kỹ năng)	Ghi chú
1	15C12002	Lê Thị Hồng	Đào	18/10/1991	84	
2	15C12006	Hoàng	Khuê	10/06/1989	91	
3	15C12015	Nguyễn Thanh	Phong	09/11/1991	101	
4	15C240012	Nguyễn Văn	Tĩnh	06/12/1992	110	
5	16C11032	Trần Quốc	Trường	24/07/1981	85	
6	16C22011	Nguyễn Văn	Buôn	08/02/1991	121	
7	16C23008	Trần Quốc	Bảo	24/06/1993	115	
8	16C32003	Lê Văn	Bình	14/01/1985	90	
9	16C34017	Huỳnh Uyên	Chi	23/05/1993	100	
10	16C34025	Trần Thị Thùy	Linh	04/10/1990	84	
11	16C36004	Nguyễn Văn Anh	Vũ	07/02/1993	126	
12	16C41006	Trần Ngọc Bảo	Trí	04/08/1993	132	
13	16C53012	Phạm Huy	Lâm	11/10/1994	142	
14	16C54006	Nguyễn Tri	Hải	18/01/1994	96	
15	16C64024	Nguyễn Xuân	Tá	21/01/1993	120	
16	16C66001	Nguyễn Thị Kim	Anh	04/11/1991	123	
17	16C67004	Trần Anh	Hoàng	08/11/1992	125	
18	16C67005	Nguyễn Hoàng Chi	Mai	24/09/1990	133	
19	16C67016	Nguyễn Ngọc	Hiếu	07/07/1992	80	
20	16C67017	Nguyễn Vân	Hương	30/12/1993	114	
21	16C82011	Lê Thị Mỹ	Kim	03/03/1994	102	
22	17C12012	Nguyễn Quốc Khánh	Như	02/09/1985	87	

Stt	Mã HV	Họ tên học viên		Ngày sinh	Điểm thi (Tổng 4 kỹ năng)	Ghi chú
23	17C32011	Hồng Phương	Quyên	24/04/1984	100	
24	17C34010	Nguyễn Quang	Đạo	02/01/1994	94	
25	17C51009	Lê Hồng	Hạnh	27/9/1995	125	
26	17C51020	Dương Thị Ngọc	Trâm	27/07/1992	111	
27	17C63005	Huỳnh Trọng	Kha	15/06/1994	82	
28	17C63012	Phạm Thị	Vàng	10/07/1994	90	
29	17C64015	Nguyễn Thị	Thủy	22/09/1987	84	
30	18C22013	Nguyễn Xuân Việt	Trung	26/08/1996	104	
31	18C24002	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	01/10/1994	85	
32	18C24022	Tô Hoài	Thanh	03/02/1996	102	
33	18C24025	Nguyễn Thị Phước	Thọ	26/11/1996	113	
34	18C32006	Nguyễn Trọng	Duy	12/04/1991	120	
35	18C32013	Lê Thị Yến	Nhung	16/12/1994	114	
36	18C32021	Nguyễn Trần Hải	Vân	25/09/1994	114	
37	18C33004	Võ Thị Tuyết	Anh	09/09/1993	84	
38	18C34017	Trần Vĩnh	Tiến	15/01/1995	132	
39	18C34019	Lê Lương	Vũ	21/07/1995	120	
40	18C51007	Nguyễn Thị Kim	Hường	24/01/1995	101	
41	18C51017	Phan Thanh	Tùng	11/09/1996	106	
42	18C61005	Huỳnh Thị	Nguyệt	08/10/1995	98	
43	18C63009	Hoàng Thị Bích	Tuyền	02/02/1986	135	
44	18C63015	Trần Hà Lan	Thanh	26/05/1994	108	
45	18C64006	Nguyễn Văn	Tín	21/01/1986	96	
46	18C81003	Trần Thị Thanh	Dung	26/02/1996	103	
47	18C81005	Nguyễn Ngô Hồng	Ngọc	08/11/1994	137	
48	18C82009	Nguyễn Thị Bích	Khuê	07/01/1995	123	
49	19C11035	Nguyễn Việt	Phương	12/04/1994	118	
50	19C12006	Phạm Trần Quốc	Vương	22/06/1989	123	
51	19C29001	Dương Thị Xuân	An	04/01/1968	97	

GIA
RƯỜI
AI HC
DA H
NHII

*

22

Stt	Mã HV	Họ tên học viên	Ngày sinh	Điểm thi (Tổng 4 kỹ năng)	Ghi chú
52	19C29003	Trần Tôn Nữ Ngọc Giàu	07/08/1994	100	
53	19C32008	Trần Thị Lụa	02/09/1997	115	
54	19C33005	Lê Lâm Anh Phi	01/01/1996	108	
55	19C39004	Nguyễn Bùi Yến Khanh	30/01/1992	125	
56	19C39011	Nguyễn Thị Minh Thảo	04/02/1997	135	
57	19C81001	Châu Hồng Anh	29/05/1978	134	
58	19C81004	Nguyễn Minh Ngọc	14/02/1996	91	

(Danh sách gồm 58 học viên)

